TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 962/2017/DS-ST.
Ngày: 27/10/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Ông Lê Viết Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 06 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 327/2017/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Ngân hàng A

Địa chỉ: đường C, phường B, quận D, TP. HCM

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H (xin vắng mặt)

(giấy ủy quyền ngày 11.5.2017).

2/ Bịđơn: Ông Nguyễn T

Địa chỉ: , ấp 3, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 05 năm 2017 và bản tự khai ngày 10/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/6/2011, ông Nguyễn T có đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4365991000014721 với Ngân hàng A với hạn mức là 200.000.000 đồng, lãi suất

tính theo Thông báo sử dụng thẻ, hiệu lực thẻ 36 tháng, từ ngày 21/6/2011 đến ngày 21/6/2014. Lãi suất được tính theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 10/9/2012 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của thẻ tín dụng số 4365991000014721 sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/5/2017, ông T còn nợ Ngân hàng vốn là 230.193.278 đồng, lãi quá hạn là 405.086.458 đồng, tổng cộng là 635.279.736 đồng. Nay yêu cầu ông T thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 635.279.736 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kể từ ngày 11/5/2017 cho đến khi ông T trả xong số nợ.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn T vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng yêu cầu của Ngân hàng là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sơ chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơnvắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụán ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn T là"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn trong vụán hiện cư rú tại huyện H, căn cứ vào khoản 14 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Trong các buổi làm việc cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền nợ gốc là 230.193.278 đồng, lãi quá hạn từ ngày 10/9/2012 đến ngày 27/10/2017 là 448.414.587 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông T tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 28/10/2017 cho đến khi ông Thịnhtrả xong số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc, ngày 07/6/2011 Ngân hàng A cấp cho ông Nguyễn T một thẻ tín dụng số 4365991000014721, hạn mức thẻ 200.000.000 đồng, hiệu lực thẻ 36 tháng, từ ngày 21/6/2011 đến ngày 21/6/2014, lãi suất được tính theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã rút tiền mặt và mua hàng tổng cộng với số tiền là

211.598.000 đồng, phí 11.276.643 đồng, phạt chậm trả 10.555.731 đồng, lãi trong hạn là 66.790.221 đồng, tổng cộng phí, phạt chậm trả và lãi trong hạn là 88.622.295 đồng.

Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 70.027.317 đồng. Căn cứ bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn T trả toàn bộ số dư nợ gốc là (211.598.000 đồng + 88.622.295 đồng – 70.027.317 đồng) = 230.193.278 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi suất của ngân hàng, Hội đồng xét thấy, ông T đã trả cho Ngân hàng đến tháng 05/2012 tổng cộng số tiền là 70.027.317 đồng, từ đó cho đến nay, ông T đã không trả cho ngân hàng thêm số tiền nào. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, từ ngày 10/9/2012 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Từ ngày 10/9/2012 đến ngày 12/6/2017 mức lãi suất 37,2%/năm, từ ngày 12/6/2017 đến ngày 27/10/2017 mức lãi suất là 40,5%/năm. Tổng số tiền lãi ông T phải trả là 448.414.587 đồng. Do mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nên căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với phía bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ bị đơn đến Tòa án để làm việc nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, như vậy ông T đã từ bỏ quyền chứng minh về việc trả nợ của mình.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 230.193.278 đồng, tiền lãi là 448.414.587 đồng, tổng cộng là 678.607.865 đồng. Ngoài ra, ông T còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2017 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cho đến ngày ông Nguyễn T thanh toán dứt nợ.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sơ chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát trùng khớp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn T phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàoĐiều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 230.193.278 đồng, tiền lãi là 448.414.587 đồng, tổng cộng là 678.607.865 đồng.

Kể từ ngày 28/10/2017 ông Nguyễn T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2/Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn T chịu 31.144.315đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 7.755.851 đồng, theo biên lai thu số 0030976 ngày 08/6/2017 cùa Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND TPHCM;*
- *VKSNDHH;*
- *THADS HH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phụng